

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1848/TTr-SGD&ĐT ngày 04/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ¹ trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Ngoại vụ, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các phường, xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- PCVP VX UBND tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu VTUB; KGVX (TP, P).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Văn Thành

¹ Đối với việc dạy và học ngoại ngữ là tiếng Anh, thực hiện theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045”

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Nghệ An,
giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045**

(Kèm theo Quyết định số 2598 /QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh)

PHẦN I

Sự cần thiết ban hành Đề án

I. Thực trạng dạy và học các ngoại ngữ khác tiếng Anh (Lào, Nga, Pháp, Nhật Hàn, Trung, Đức) trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Phụ lục 1)

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh tiếng Anh là ngoại ngữ chủ đạo, tỉnh Nghệ An đã chủ động triển khai dạy và học đa dạng các ngoại ngữ khác nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), xuất khẩu lao động và đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực biên giới. Ngày 18/02/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Báo cáo “Tổng kết Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh”; một phần quan trọng của báo cáo này chính là thực trạng dạy và học các ngoại ngữ khác tiếng Anh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

1. Quy mô và chất lượng dạy và học các ngoại ngữ khác tiếng Anh

So với tiếng Anh, quy mô dạy học các ngoại ngữ khác tại Nghệ An còn rất khiêm tốn, chủ yếu tập trung ở một số trường điểm và trung tâm:

a) Nhóm ngôn ngữ quan hệ hữu nghị và biên giới: Tiếng Lào

Là ngôn ngữ có tính chất chính trị đặc thù, phục vụ trực tiếp cho công tác đối ngoại nhân dân và an ninh biên giới giữa Nghệ An và 3 tỉnh nước bạn Lào (Xiêng Khoảng, Bô Ly Khăm Xay, Hủa Phăn).

- Tại khu vực biên giới và lực lượng vũ trang: Từ năm 2022, các Đoàn Biên phòng (như Cửa khẩu Quốc tế Nậm Cắn, Thanh Thủy, Thông Thụ) đã chủ trì mở các lớp tiếng Lào cơ bản. Đối tượng đào tạo là cán bộ, chiến sĩ, công chức xã và nhân dân vùng biên. Quy mô đào tạo duy trì khoảng 50 - 100 học viên/ năm. Chương trình tập trung vào kỹ năng giao tiếp thực tế để phục vụ công tác tuần tra song phương và giao thương cửa khẩu. Trong thời gian tới tỉnh sẽ đưa tiếng Lào vào dạy thí điểm tại các trường phổ thông ở các xã biên giới (Danh sách ở Phụ lục 2) theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tại các cơ sở giáo dục và đào tạo:

+ Tiếng Lào vẫn chưa được đưa vào dạy chính khóa trong hệ thống giáo dục phổ thông, kể cả các trường phổ thông dân tộc nội trú ở vùng biên giới, dù nhu cầu thực tế rất cao.

+ Thực hiện chiến lược "đào tạo ngược" (*dạy tiếng Việt cho lưu học sinh Lào*): Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An và Trường PT DTNT THPT số 2 là những đơn vị đi đầu. Riêng năm học 2023-2024, Nghệ An đã tiếp nhận hàng trăm lưu học sinh Lào sang học tiếng Việt dự bị và học văn hóa. Hoạt động này không chỉ giúp nước bạn đào tạo nhân lực mà còn tạo môi trường giao lưu ngôn ngữ, văn hóa tự nhiên ngay tại Nghệ An.

b) Nhóm ngôn ngữ truyền thống và hàn lâm: Tiếng Nga và tiếng Pháp

- Tiếng Nga:

+ Giáo dục phổ thông: Duy trì sự ổn định bền vững tại Trường THPT Chuyên Phan Bội Châu với quy mô 3 lớp với 105 học sinh/năm xuyên suốt giai đoạn 2020-2025.

+ Đào tạo đại học: Trường Đại học Vinh vẫn duy trì dạy tiếng Nga cho các sinh viên học các chuyên ngành khác ngoại ngữ và cho sinh viên ngoại ngữ như ngoại ngữ 2.

+ Chất lượng mũi nhọn: Tiếng Nga tiếp tục là thế mạnh của tỉnh với nhiều giải Học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Nga và Olympic tiếng Nga quốc tế.

- Tiếng Pháp:

+ Giáo dục phổ thông: Đang chứng kiến sự thu hẹp về quy mô. Tại cấp Tiểu học, số lượng giảm mạnh từ 184 học sinh (*năm 2020*) xuống còn 33 học sinh (*năm 2025*) do chủ trương dừng tuyển sinh hệ song ngữ lớp 1. Cấp THCS và THPT duy trì ổn định hệ song ngữ tại các trường điểm (*THCS Lê Lợi, THPT Chuyên Phan Bội Châu*).

+ Đào tạo đại học: Trường Đại học Vinh vẫn duy trì dạy tiếng Pháp cho các sinh viên học các chuyên ngành khác ngoại ngữ và cho sinh viên ngoại ngữ như ngoại ngữ 2.

+ Chất lượng mũi nhọn: Năm 2025 học sinh tỉnh Nghệ An đạt 6/6 giải Học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Pháp (*trong đó gồm 1 giải Nhì, 3 giải Ba và 2 giải Khuyến khích*).

c) Nhóm ngôn ngữ kinh tế và thị trường lao động: tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc và tiếng Đức

Đây là nhóm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, phản ánh nhu cầu thực tế của thị trường lao động (*FDI và xuất khẩu lao động*).

- Tiếng Trung Quốc là ngoại ngữ có số lượng người học đông nhất ngoài tiếng Anh:

+ Số lượng học viên tại các trung tâm tăng từ 36 (*năm 2020*) lên 4.502 học viên (*năm 2025*).

+ Giáo dục phổ thông: Bắt đầu đưa vào giảng dạy chính thức tại trường THPT từ năm 2024. Năm 2025, quy mô đã mở rộng lên 2 lớp với 70 học sinh.

+ Đào tạo đại học: Trường Đại học Vinh và Trường Đại học Nghệ An bắt đầu đều đặn mạnh tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Trung Quốc để đón đầu làn sóng đầu tư FDI.

+ Chất lượng mũi nhọn: Năm 2025 tuy lần đầu tham gia nhưng tỉnh Nghệ An đạt 9/10 giải Học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Trung Quốc (*trong đó đạt 1 giải Nhì, 4 giải Ba và 4 giải Khuyến khích*).

- Tiếng Hàn Quốc:

+ Khởi đầu trong giáo dục phổ thông: Năm học 2025-2026 đánh dấu cột mốc quan trọng khi tiếng Hàn Quốc lần đầu tiên được đưa vào giảng dạy tại 01 trường THPT với quy mô 01 lớp/35 học sinh.

+ Đào tạo nghề và xuất khẩu lao động: Số lượng học viên tại các trung tâm tăng vọt lên 1.488 học viên (*năm 2025*). Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc là đơn vị chủ lực đào tạo tiếng Hàn gắn với kỹ năng nghề, được sự hỗ trợ từ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (*KOICA*).

+ Chất lượng mũi nhọn: Dự định trong năm 2026, Nghệ An sẽ có Đội tuyển dự thi học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Hàn Quốc.

- Tiếng Nhật Bản:

+ Giáo dục phổ thông: Duy trì ổn định tại trường THPT Chuyên Phan Bội Châu với khoảng 105 học sinh/năm.

+ Số lượng học viên tại các trung tâm ngoại ngữ đạt 1.456 học viên (*năm 2025*), phục vụ chủ yếu cho nhu cầu du học và làm việc tại Nhật Bản.

+ Chất lượng mũi nhọn: Năm 2025 tuy lần thứ hai tham gia nhưng tỉnh Nghệ An đạt 10/10 giải Học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Nhật Bản (*trong đó đạt 3 giải Nhì, 4 giải Ba và 3 giải Khuyến khích*).

- Tiếng Đức: Tuy chưa được dạy ở trường phổ thông nhưng tiếng Đức phát triển mạnh trong du học nghề. Số lượng học viên tại các trung tâm ngoại ngữ tăng từ 10 (*năm 2020*) lên 726 học viên (*năm 2025*). Trường Cao đẳng Du lịch - Thương mại Nghệ An triển khai hiệu quả chương trình đào tạo nghề theo tiêu chuẩn Đức Bậc 3 (*BI*).

2. Hợp tác quốc tế và xã hội hoá trong dạy và học các ngoại ngữ khác tiếng Anh

a) Tổ chức, triển khai hợp tác, hội nhập quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ:

- Có nhiều chương trình giao lưu và hợp tác về giáo dục với các tổ chức quốc tế như: Hội Hữu nghị Côtes d'Armor, Đại sứ quán Pháp; Hội hữu nghị Việt Nga, Đại sứ quán Nga; Đại sứ Quán Nhật Bản, Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản; Bộ Phát triển Nhà nước Nam Úc; tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

- Tổ chức giao lưu trực tiếp và trực tuyến giữa Trường THPT Chuyên Phan Bội Châu với Trường Số 76 U-li-a-nốp, Cộng hòa Liên bang Nga và Trường TH Seki, tỉnh Gifu, Nhật Bản.

b) Đến năm 2025, đã cấp phép hoạt động dạy học ngoại ngữ cho 328 trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các đơn vị hoạt động có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc các quy định về tổ chức, nội dung chương trình đào tạo, cơ bản đáp ứng được nhu cầu người học. Trong giai đoạn 2020-2025, các trung tâm đã tổ chức được đào tạo cho 9.574 học viên tiếng Trung Quốc, 3.558 học viên tiếng Hàn Quốc, 1.308 học viên tiếng Đức, và 2.998 học viên tiếng Nhật Bản. Số lượng lớn các học viên của các trung tâm ngoại ngữ chủ yếu là học sinh mầm non và tiểu học, học sinh THCS, THPT; trong khi đó, số sinh viên các trường cao đẳng, đại học tham gia học ở các trung tâm ngoại ngữ còn thấp.

3. Đánh giá chung

a) Một số thành công bước đầu

- Chuyển dịch cơ cấu hợp lý: Đã hình thành bản đồ giáo dục ngoại ngữ đa dạng, phá vỡ thế độc tôn của tiếng Anh. Sự trỗi dậy của các ngôn ngữ Đông Bắc Á (*tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản*) cho thấy giáo dục Nghệ An đã bắt nhịp nhanh chóng với xu hướng dịch chuyển dòng vốn FDI và thị trường lao động quốc tế.

- Hiệu quả xã hội hóa: Khối tư nhân (*hệ thống các trung tâm*) đã gánh vác xuất sắc vai trò đào tạo ngoại ngữ cho người lao động và du học sinh, giảm tải áp lực cho ngân sách nhà nước.

- Chất lượng mũi nhọn được giữ vững: Các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia môn tiếng Nga, tiếng Pháp vẫn duy trì được thành tích cao, các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia môn tiếng Nhật Bản, tiếng Trung Quốc tuy mới tham gia nhưng đã nhiều thành tích cao, khẳng định truyền thống hiếu học của đất học Nghệ An.

- Ngoại giao văn hóa: Việc dạy tiếng Lào và đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào đã góp phần quan trọng củng cố mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào.

- Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định việc dạy học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục đào tạo.

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI.

- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030”.

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kế hoạch số 374/KH-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 18/5/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 09/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

III. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), ngoại ngữ không còn đơn thuần là một môn học trong nhà trường mà đã trở thành năng lực cốt lõi để tiếp cận tri thức, công nghệ, tham gia thị trường lao động chất lượng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Trên thế giới, việc thành thạo các ngôn ngữ thông dụng ngày càng được coi là chìa khóa của nền kinh tế tri thức; đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á, Cộng đồng ASEAN thúc đẩy mạnh mẽ giao lưu văn hóa – giáo dục – kinh tế, đòi hỏi các quốc gia thành viên chú trọng hơn việc dạy và học ngoại ngữ không chỉ tiếng Anh mà cả ngôn ngữ các nước láng giềng để tạo thuận lợi cho hợp tác khu vực. Ở Việt Nam, chủ trương hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển bền vững khiến nhu cầu nhân lực giỏi ngoại ngữ gia tăng nhanh trong nhiều lĩnh vực; vì vậy, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho thế hệ trẻ và người lao động là nhiệm vụ mang tính chiến lược, lâu dài và cấp thiết.

Trong bức tranh chung đó, Nghệ An – với vị thế là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng Bắc Trung Bộ, đồng thời là cửa ngõ kết nối Bắc – Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới. Về kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ cùng làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng rõ nét, đặc biệt tại các khu công nghiệp trọng điểm như VSIP, WHA, Hoàng Mai. Sự hiện diện của các doanh nghiệp, tập đoàn từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan kéo theo nhu cầu lớn về nguồn nhân lực không chỉ vững chuyên môn mà còn có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong môi trường làm việc quốc tế, nổi bật là tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nguồn cung lao động tại chỗ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu này, tiềm ẩn nguy cơ người lao động địa phương gặp bất lợi ngay trên chính quê nhà của mình nếu không có bước đi đột phá trong nâng cao năng lực ngoại ngữ.

Bên cạnh đó, Nghệ An có ý nghĩa địa chính trị đặc biệt khi sở hữu đường biên giới trên bộ dài nhất cả nước (hơn 468 km) tiếp giáp với nước bạn Lào, kết nối trực tiếp với các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Lào. Mỗi quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt – Lào đặt ra yêu cầu Nghệ An cần đi đầu trong đào tạo và phổ cập tiếng Lào cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vùng biên, đồng thời tăng cường đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào. Đây không chỉ là nhiệm vụ giáo dục mà còn gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng và ngoại giao nhân dân, góp phần củng cố liên kết vùng biên giới hòa bình, ổn định và phát triển.

Về giáo dục, Nghệ An có nhiều lợi thế như truyền thống hiếu học, dân số đông, lực lượng lao động trẻ dồi dào, hệ thống cơ sở giáo dục – đào tạo đa dạng từ phổ thông đến đại học, cao đẳng. Trong giai đoạn 2017-2025, tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, trong đó nổi bật là việc triển khai dạy tiếng Anh rộng khắp và đạt thành tích mũi nhọn thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục ngoại ngữ đại trà vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa khu vực đô thị và vùng miền núi, vùng sâu vùng xa; đội ngũ giáo viên ngoại ngữ chưa đồng đều, đặc biệt còn thiếu giáo viên giỏi ở địa bàn khó khăn; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ ở nhiều nơi còn hạn chế; môi trường sử dụng ngoại ngữ ngoài lớp học chưa rộng rãi. Đáng chú ý, việc giảng dạy các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh còn rất khiêm tốn, mới dừng ở phạm vi hẹp hoặc thí điểm, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, hợp tác quốc tế và đặc thù biên giới của tỉnh. Thực tế đó cho thấy nhu cầu mở rộng, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dạy học các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh là hết sức cấp thiết.

Trước yêu cầu mới từ Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045”, việc xây dựng Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến 2045” là yêu cầu khách quan và cấp bách. Đề án không chỉ kế thừa những kết quả đã đạt được mà phải tạo bước đột phá về tư duy, mục tiêu, giải pháp và nguồn lực, nhằm phát huy lợi thế, khắc phục hạn chế, thu hẹp chênh lệch vùng miền, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ một cách thực chất cho học sinh, sinh viên và người lao động. Qua đó, ngoại ngữ trở thành thế mạnh cạnh tranh của người Nghệ An trong kỷ nguyên số, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế, đồng thời phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại của tỉnh trong giai đoạn mới.

PHẦN II

Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án

I. Quan điểm

Việc triển khai Đề án trong giai đoạn mới được định hướng bởi các quan điểm chỉ đạo cốt lõi, được kế thừa từ định hướng của Đề án quốc gia điều chỉnh phù hợp với bối cảnh đặc thù của tỉnh Nghệ An:

1. Việc dạy và học ngoại ngữ (*ngoài tiếng Anh*) được xem là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài để xây dựng thể hệ lao động mới có kỹ năng hội nhập, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đầu tư cho giáo dục ngoại ngữ là đầu tư cho phát triển, cần được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch của tỉnh.

2. Việc tăng cường dạy và học ngoại ngữ phải được triển khai ở tất cả các cấp học, ngành học phù hợp, mở rộng dần từ thành thị đến nông thôn, miền núi, vùng biên giới. Ưu tiên nguồn lực cho vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và biên giới để thu hẹp khoảng cách về chất lượng ngoại ngữ, bảo đảm mọi học sinh, người học đều có cơ hội tiếp cận ngoại ngữ trong điều kiện phù hợp.

3. Nội dung, chương trình ngoại ngữ triển khai phải gắn với địa bàn, nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động. Không dàn trải, tập trung vào các ngôn ngữ có nhu cầu thực tế: Chú trọng các ngoại ngữ có tính ứng dụng cao tại địa phương: ưu tiên tiếng Lào ở khu vực biên giới; tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản trong các ngành công nghiệp, du lịch, thương mại; tiếng Pháp, tiếng Nga trong các lĩnh vực hợp tác truyền thống và giáo dục chất lượng cao. Việc dạy ngoại ngữ phải linh hoạt, “học đi đôi với hành”, giúp người học giao tiếp, làm việc thực tế chứ không chỉ nặng về lý thuyết.

4. Xác định giáo viên, giảng viên là lực lượng quyết định thành công của Đề án. Có chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn về năng lực ngôn ngữ và nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt tại các vùng còn yếu kém. Đồng thời, đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ, giáo cụ hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.

5. Kết hợp hài hòa giữa nguồn lực nhà nước và xã hội hóa để phát triển giáo dục ngoại ngữ. Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (*đầu tư thiết bị, học bổng, chương trình hợp tác...*). Tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ hỗ trợ về chuyên gia, tài liệu, mô hình giảng dạy tiên tiến. Phát huy vai trò của cộng đồng, gia đình trong việc tạo môi trường học ngoại ngữ.

6. Quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ trong Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của Nghệ An. Đề án vừa kế thừa kết quả giai đoạn trước, vừa có giải pháp mang tính đột phá, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu mới (*chuyển đổi số, hội nhập ASEAN, ...*). Mọi kế hoạch hành động đều phải đảm bảo tính khả thi, có lộ trình phù hợp và cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

Những quan điểm trên sẽ xuyên suốt quá trình triển khai Đề án, làm căn cứ định hướng cho việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể trong giai đoạn 2026-2035 và định hướng đến năm 2045.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho người học ở mọi cấp học và trình độ đào tạo trên địa bàn tỉnh (*trừ tiếng Anh đã có chương trình riêng*), đáp ứng nhu cầu học tập, giao tiếp, tiếp cận tri thức – văn hóa – khoa học công nghệ toàn cầu; góp phần nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Nghệ An trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Đồng thời, xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm đào tạo đa ngoại ngữ của khu vực Bắc Trung Bộ, hình thành một thể hệ trẻ tự tin, có thể sử dụng ít nhất một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh; ưu tiên phát triển các ngoại ngữ phục vụ trực tiếp yêu cầu hội nhập, hợp tác biên giới Việt – Lào và nhu cầu nhân lực của các khu kinh tế, khu công nghiệp (*đặc biệt các ngoại ngữ như tiếng Lào, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản*), qua đó đóng góp vào đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững của tỉnh trong kỷ nguyên hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026–2030

Tập trung xây dựng nền tảng, triển khai thí điểm và mở rộng có trọng tâm việc dạy – học các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh, ưu tiên theo nhu cầu thực tiễn của tỉnh.

- Triển khai thí điểm dạy tiếng Lào (*như ngoại ngữ 2 hoặc tự chọn phù hợp*) tại các cơ sở giáo dục có nhu cầu và đủ điều kiện, đặc biệt ở các xã biên giới; phấn đấu mở rộng tới hệ thống trường PTDTNT, các trường THCS, THPT và trung tâm GDTX ở khu vực biên giới. Đồng thời, tăng cường bồi dưỡng để cán bộ, công chức cấp xã vùng biên đạt năng lực giao tiếp tiếng Lào cơ bản, phục vụ công tác quản lý, đối ngoại nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng – an ninh.

- Triển khai thí điểm các hoạt động lựa chọn cho trẻ mầm non và học sinh lớp 1, lớp 2 làm quen với tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản tại các cơ sở đủ điều kiện và có nhu cầu. Từng bước đưa vào dạy học dưới hình thức ngoại ngữ 1 (*hệ 10 năm*) hoặc ngoại ngữ 2 tại các trường phổ thông ở khu vực đô thị và các địa bàn có khu công nghiệp/ khu kinh tế, bắt đầu từ việc triển khai thí điểm ở một số trường phù hợp (*ưu tiên trường chất lượng cao, trường có hợp tác quốc tế*).

- Xây dựng và triển khai chương trình dạy các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh phù hợp ngành nghề và nhu cầu người học; hình thành các mô hình đào tạo ngoại ngữ 2 gắn với việc làm như tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản cho nhóm ngành công nghiệp – dịch vụ, tiếng Đức cho một số chương trình hợp tác quốc tế ở các trường dạy nghề.

- Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các lớp/nhóm học tiếng Nga và tiếng Pháp có nền tảng tốt (*lớp chuyên, lớp tăng cường/song ngữ theo khả năng triển khai*), nhằm giữ vững và phát huy thành tích mũi nhọn, đồng thời tạo nguồn cho giai đoạn mở rộng.

- Phân đầu đến năm 2030:

+ Mỗi phường, xã ở khu vực đô thị và các khu kinh tế, khu công nghiệp tối thiểu 01 cơ sở giáo dục phổ thông triển khai dạy hoặc tổ chức các hoạt động giáo dục liên quan đến 01 trong số các tiếng: Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản;

+ Các địa bàn biên giới trọng điểm triển khai chương trình thí điểm dạy tiếng Lào (*do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và tổ chức thí điểm*) trong trường phổ thông hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên và chuẩn bị điều kiện để mở rộng nếu có nhu cầu.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (*cao đẳng, trung cấp, trung học*) có chương trình ngoại ngữ 2 phù hợp với ngành đào tạo.

+ 50% trung tâm ngoại ngữ ở khu vực đô thị và các khu kinh tế, khu công nghiệp mở rộng giảng dạy thêm ít nhất một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh.

+ Từng bước đáp ứng nhu cầu nhân lực ngoại ngữ phục vụ doanh nghiệp, hướng tới mức 60% đến 80% nhu cầu (*tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản*) tại các khu kinh tế, khu công nghiệp theo khả năng và lộ trình.

b) Giai đoạn 2031–2035

Trên cơ sở kết quả thí điểm, tiến hành nhân rộng, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dạy – học ngoại ngữ ngoài tiếng Anh; tăng cường gắn kết với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh và hội nhập.

- Mở rộng dạy tiếng Lào tới toàn bộ các xã khu vực biên giới và các cơ sở giáo dục có nhu cầu. Đồng thời, thúc đẩy dạy học ngôn ngữ một số nước ASEAN phù hợp với định hướng hợp tác khu vực.

- Mở rộng quy mô dạy và học tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản (*như ngoại ngữ 2 hoặc tự chọn theo nhu cầu học sinh*) ở các trường phổ thông đủ điều kiện và có nhu cầu.

- Từng bước tích hợp yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản theo đặc thù ngành, nghề trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh. Mở rộng mô hình dạy tích hợp ngoại ngữ với nội dung môn học/ ngành, nghề và các mô hình học ngoại ngữ gắn với trải nghiệm – dự án – nghề nghiệp, tăng tính ứng dụng trong học tập và công việc.

- Duy trì và nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Nga, tiếng Pháp trong trường phổ thông.

- Phân đầu đến năm 2035:

+ Các trường THPT ở khu vực đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp tổ chức giảng dạy ít nhất 02 ngoại ngữ (*tiếng Anh và một trong các tiếng: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản*), tổ chức dạy tiếng Đức ở trường THPT Chuyên Phan Bội Châu nếu có nhu cầu và đủ điều kiện.

+ Các trường phổ thông ở các phường, xã có điều kiện thuận lợi mở lớp ngoại ngữ 2 tự chọn.

+ Hình thành đội ngũ nhân lực trẻ có khả năng sử dụng ngoại ngữ đa dạng trong các lĩnh vực trọng điểm như du lịch, thương mại biên giới, y tế, kỹ thuật công nghiệp.

+ Nghệ An cơ bản định hình vai trò trung tâm đào tạo đa ngôn ngữ ở vùng Bắc Trung Bộ.

c) Định hướng đến năm 2045

Tiếp tục phát triển bền vững theo hướng đa dạng hóa ngoại ngữ, xây dựng văn hóa học ngoại ngữ suốt đời trong xã hội và biến năng lực ngoại ngữ thành lợi thế cạnh tranh then chốt của tỉnh.

- Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng các ngoại ngữ có nền tảng truyền thống (*tiếng Nga, tiếng Pháp*) đồng thời mở rộng các ngoại ngữ (*trong đó có tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản và tiếng Lào*) theo nhu cầu phát triển ở các bậc học phù hợp, kể cả đào tạo nâng cao khi có nhu cầu.

- Phân đầu đến năm 2045, lực lượng lao động và cán bộ quản lý tại Nghệ An có thể sử dụng thành thạo các ngôn ngữ của nước láng giềng và đối tác chiến lược (*đặc biệt là tiếng Lào, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc*), qua đó biến ngoại ngữ trở thành lợi thế cạnh tranh hàng đầu trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tri thức và mở rộng hợp tác quốc tế.

- Hướng tới hình thành một thế hệ người Nghệ An năng động, tự tin hội nhập, trong đó nhiều người trẻ có thể giao tiếp, học tập và làm việc bằng hai ngoại ngữ trở lên, đóng góp vào mục tiêu phát triển của tỉnh và đất nước vào giữa thế kỷ XXI.

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng môi trường dạy và học, sử dụng ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ

a) Tăng cường truyền thông về lợi ích học ngoại ngữ thứ hai: tổ chức hội thảo, tọa đàm, chương trình truyền hình, báo chí, nhấn mạnh cơ hội nghề nghiệp quốc tế (*xuất khẩu lao động Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Trung Quốc*).

b) Xây dựng phong trào, câu lạc bộ ngoại ngữ: duy trì và mở rộng các cuộc thi, sân chơi ngôn ngữ (*tiếng Lào, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản*) trong tỉnh; khuyến khích thành lập CLB song ngữ và ngoại ngữ ở trường học; tổ chức kết nối cộng đồng học ngôn ngữ trực tuyến và trực tiếp.

c) Tạo môi trường học tập ngoại ngữ: trang trí bảng hiệu, áp phích đa ngôn ngữ trong trường; khuyến khích giao tiếp ngoại ngữ hằng ngày; lồng ghép phát thanh, truyền hình nội dung văn hóa-ngôn ngữ bản địa (*ví dụ phát thanh về văn hóa Lào tại biên giới Nghệ An*).

d) Phối hợp với doanh nghiệp xuất khẩu lao động và du lịch: tổ chức hội thảo về nhu cầu ngoại ngữ theo ngành nghề; tổ chức tuyển sinh, giới thiệu việc làm cho học viên, tạo động lực rõ ràng cho học sinh và người lao động học ngoại ngữ.

2. Nghiên cứu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến dạy và học ngoại ngữ, dạy học bằng ngoại ngữ

a) Cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ giáo viên

Rà soát, nghiên cứu đề ban hành các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền cấp tỉnh về:

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, khảo sát cấp chứng chỉ, bố trí việc làm cho đội ngũ giáo viên ngoại ngữ và giáo viên dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ.

- Thu hút, ưu tiên đối với giáo viên có năng lực ngoại ngữ nổi trội; hỗ trợ giáo viên dạy ngoại ngữ đến công tác tại khu vực khó khăn; cho phép người nước ngoài sử dụng thành thạo ngoại ngữ tham gia dạy học tại các cơ sở giáo dục công lập.

- Khuyến khích, hỗ trợ đối với các cá nhân tự học, tự bồi dưỡng đạt chuẩn quốc tế về năng lực ngoại ngữ.

- Thu hút giáo viên mầm non tham gia đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng trình độ, năng lực để dạy trẻ mẫu giáo làm quen ngoại ngữ.

- Hỗ trợ các giáo viên dạy các ngoại ngữ mới (*ngoài tiếng Anh*) tại các trường phổ thông trong thời gian tổ chức dạy thí điểm để khuyến khích giáo viên chuyển đổi hoặc học văn bằng 2.

b) Cơ chế, chính sách đối với học sinh và sinh viên

Rà soát, nghiên cứu để ban hành các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền cấp tỉnh về:

- Mở rộng cơ cấu giải thưởng trong các kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh cho các môn ngoại ngữ mới (*tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Lào*), tương đương với môn Tiếng Anh để tạo động lực thi đua.

- Ưu tiên, hỗ trợ và khuyến khích đối với người học đạt được chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế tương ứng với yêu cầu của bậc học hoặc đạt kết quả cao trong các kỳ thi tiếng ngoại ngữ cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh nghèo vượt khó đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt chuẩn đầu ra vượt cấp.

- Ưu tiên, thu hút đối sinh viên đạt được những chứng chỉ năng lực ngoại ngữ nổi trội hoặc được đào tạo từ các nước bản xứ.

c) Cơ chế, chính sách xã hội hóa dạy học ngoại ngữ

Rà soát, nghiên cứu để ban hành các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền cấp tỉnh về:

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân đầu tư nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp nước ngoài tại Nghệ An tài trợ nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ trong và ngoài trường học.

d) Nhóm chính sách đầu tư và tài chính

Rà soát, nghiên cứu để ban hành các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền cấp tỉnh về:

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 để chuẩn bị các nền tảng cần thiết để triển khai dạy học các ngoại ngữ mới khác tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục.

- Bố trí ngân sách sự nghiệp giáo dục hàng năm để duy trì và mở rộng chương trình dạy tiếng Việt cho lưu học sinh Lào và cấp học bổng cho sinh viên Lào diện Hiệp định hợp tác (*thực hiện nhiệm vụ chính trị đặc biệt*).

3. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, dạy học bằng ngoại ngữ (ngoài tiếng Anh) đảm bảo về số lượng và chất lượng

a) Tuyển dụng và đào tạo đủ giáo viên có trình độ chuyên môn giảng dạy các ngoại ngữ trọng tâm (*tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Lào*), đồng thời tổ chức các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và sự phạm cho giáo viên đang công tác (*đặc biệt là ứng dụng AI trong giảng dạy*).

b) Khuyến khích thu hút sinh viên tốt nghiệp giỏi ngoại ngữ về công tác tại Nghệ An bằng học bổng, chế độ ưu tiên; thực hiện chính sách thu hút giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy lâu dài tại tỉnh (*kể cả dạy ngoại ngữ thứ hai ở các trường phổ thông đủ điều kiện và có nhu cầu*).

c) Xây dựng định mức, chuẩn năng lực ngoại ngữ cho giáo viên; tổ chức các khóa tập huấn và khuyến khích tự học để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giáo viên dạy chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu hội nhập lao động quốc tế.

4. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong dạy và học ngoại ngữ

a) Đổi mới phương pháp theo hướng giao tiếp tích cực, phân hóa, cá nhân hóa và tích cực ứng dụng công nghệ (*như trí tuệ nhân tạo, phần mềm hỗ trợ*) để phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng ngoại ngữ như khuyến cáo của Đề án.

b) Đa dạng hóa hình thức dạy học, tổ chức học trực tuyến, trên truyền hình, câu lạc bộ ngoại ngữ và học ngoại khóa thực tiễn (*phù hợp với điều kiện miền núi, hải đảo*).

c) Xây dựng ngân hàng đề thi và tiêu chuẩn kiểm tra định kỳ bám sát Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu (CEFR), kết hợp hình thức đánh giá quá trình (*formative assessment*) và phát triển năng lực trung gian ngôn ngữ (*mediation*), chú trọng đánh giá kỹ năng giao tiếp nhằm phục vụ tuyển dụng và chuyển dịch lao động (*trương ứng với Đề án về kiểm tra, đánh giá*).

d) Áp dụng kiểm tra, đánh giá bằng ngoại ngữ và tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác để tăng cường khả năng sử dụng ngoại ngữ của học sinh

5. Xây dựng và triển khai chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu, học liệu dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ

a) Nghiên cứu, biên soạn và cập nhật chương trình, giáo trình, sách giáo khoa cho từng ngoại ngữ thứ hai, bao gồm các chương trình chuyên biệt (*ví dụ tiếng Nhật Bản ngành công nghệ, tiếng Đức ngành kỹ thuật, tiếng Lào giao tiếp*) đáp ứng nhu cầu thực tiễn và thị trường lao động.

b) Biên soạn tài liệu địa phương hóa, lồng ghép văn hóa Nghệ An vào giáo trình (*ví dụ giới thiệu văn hóa, danh thắng Nghệ An bằng tiếng nước ngoài*) để tăng tính hấp dẫn và phù hợp thực tiễn.

c) Xây dựng hệ thống học liệu và chương trình dạy học tích hợp ngoại ngữ với các môn chuyên môn để học sinh, sinh viên vừa học kiến thức chuyên ngành vừa nâng cao ngoại ngữ.

d) Ưu tiên biên soạn tài liệu và tổ chức giảng dạy tiếng Lào ở các xã biên giới; phát triển chương trình song ngữ phù hợp đặc thù vùng dân tộc thiểu số, khớp với hợp tác liên biên giới (*theo hướng ưu tiên ngôn ngữ láng giềng của Đề án*).

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ, tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ

Lồng ghép nguồn kinh phí từ các đề án chuyển đổi số tỉnh và chính phủ để:

a) Tăng cường trang bị phòng học và thiết bị công nghệ thông tin như máy tính, máy chiếu, loa, bảng tương tác, phần mềm học ngoại ngữ hiện đại; đảm bảo phủ sóng internet ổn định tại tất cả các trường, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới.

b) Phát triển hệ thống học liệu điện tử mở và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*như ứng dụng tự học, chatbot ngôn ngữ*) để mọi đối tượng có thể truy cập học ngoại ngữ chất lượng cao mọi lúc.

c) Nâng cấp cơ sở vật chất hiện có: bảo trì, đào tạo sử dụng hiệu quả các phòng học ngoại ngữ đã trang bị.

d) Xây dựng thư viện điện tử, ứng dụng học tập di động hỗ trợ ôn luyện ngoại ngữ để tạo môi trường học tập liên tục.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và xã hội hoá trong thúc đẩy dạy và học ngoại ngữ tại Nghệ An

a) Mở rộng hợp tác đa phương và song phương về ngoại ngữ: Hợp tác tổ chức các chương trình giảng dạy ngoại ngữ bản địa (*tiếng Lào, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga*) tại các trường, hợp tác với đại sứ quán và các tổ chức giáo dục quốc tế (*như đã có với các nước Mỹ, Pháp, Nga và Nhật Bản*).

b) Thúc đẩy trao đổi giáo viên và học sinh với nước ngoài: cử giáo viên đi tập huấn, kết nối giao lưu trực tuyến giữa học sinh Nghệ An với bạn bè quốc tế.

c) Huy động chuyên gia và giảng viên bản ngữ đến Nghệ An giảng dạy: tranh thủ học bổng, chuyên gia tình nguyện, dự án hợp tác để mời giáo viên nước ngoài tham gia giảng dạy ngôn ngữ thứ hai trong các trung tâm ngoại ngữ và trường chuyên biệt.

d) Tranh thủ quan hệ song phương (*Việt-Lào, Việt-Trung, Việt-Nga, Việt-Đức, Việt-Hàn, Việt-Nhật*) để triển khai các học bổng, thực tập ngôn ngữ và chuyển giao giáo trình, góp phần cung cấp giáo viên và đào tạo thực tiễn.

đ) Hợp tác với các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế uy tín để trở thành đối tác chính trong việc bồi dưỡng, tập huấn giáo viên và tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ quốc tế ngoại ngữ này tại Nghệ An.

8. Tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo và kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án

a) Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án của tỉnh: phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các sở, ngành, xác định mốc thời gian và mục tiêu cụ thể từng giai đoạn

b) Xây dựng một mô hình quản lý và điều phối liên ngành hiệu quả ở cấp tỉnh, bao gồm sự tham gia chủ động của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*đặc biệt trong lĩnh vực truyền thông*), Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ và UBND các phường, xã. Mô hình này nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo và triển khai Đề án, tối ưu hóa nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của các ban, ngành và các cấp chính quyền.

c) Xây dựng khung đánh giá chất lượng, tiêu chí giám sát tiến độ, và công bố kết quả định kỳ. Ban hành cơ chế kiểm tra đánh giá định kỳ theo quý, năm; công khai số liệu thực hiện. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chuyên nghiệp: Thiết lập một hệ thống theo dõi và đánh giá bài bản đối với việc thực hiện Đề án, đảm bảo tính thực chất và trách nhiệm giải trình. Hệ thống này cần được xây dựng dựa trên các thông lệ quốc tế, có bộ chỉ số rõ ràng để đo lường những kết quả đầu

ra quan trọng (ví dụ: tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, tỷ lệ học sinh đạt trình độ ngoại ngữ theo khung tham chiếu, mức độ sử dụng tiếng Anh trong hoạt động nhà trường...). Thực hiện giám sát độc lập định kỳ, kịp thời phát hiện vướng mắc để có biện pháp chấn chỉnh.

d) Ứng dụng công nghệ trong quản lý: sử dụng phần mềm báo cáo, bảng điều khiển trực tuyến để theo dõi tiến độ, kết quả dạy-học ngoại ngữ.

đ) Tăng cường phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với UBND phường, xã trong việc kiểm tra định kỳ các trường, đảm bảo mọi cấp đều vào cuộc giám sát việc thực hiện Đề án. Với hệ thống đánh giá nhiều tầng như vậy, việc triển khai Đề án sẽ được theo dõi sát sao và hiệu chỉnh kịp thời, đảm bảo các mục tiêu đặt ra được thực hiện hiệu quả.

PHẦN III

Tổ chức thực hiện

I. Lộ trình thực hiện

1. Giai đoạn 2026–2030 (*Khởi động và phát triển nền tảng*)

Xây dựng cơ sở pháp lý, thí điểm mô hình dạy học các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh, chuẩn hóa đội ngũ và cơ sở vật chất ban đầu.

2. Giai đoạn 2031–2035 (*Mở rộng quy mô và chuẩn hóa*)

Mở rộng dạy học ngoại ngữ khác tiếng Anh theo nhóm ngành, cấp học; nâng cao chất lượng đội ngũ và kiểm định kết quả đầu ra.

3. Định hướng đến năm 2045 (*Ổn định và phát triển bền vững*)

Các ngoại ngữ khác tiếng Anh được giảng dạy phổ biến trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đại học và phổ thông tại các vùng đặc thù.

(Chi tiết nhiệm vụ thực hiện Đề án cho từng giai đoạn tại Phụ lục 3 đính kèm)

II. Kinh phí thực hiện Đề án

1. Về nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện đề án: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trong đó:

a) Nguồn ngân sách nhà nước bố trí hằng năm cho chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (*bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên*) theo phân cấp ngân sách nhà nước; kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia đầu tư, tài trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

c) Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục đào tạo.

d) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nhu cầu kinh phí.

Tổng nhu cầu kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án cho giai đoạn 2026 - 2035 là: **85.500.000.000 đồng** (*Tám mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*)

- Ngân sách trung ương: 1.500.000.000 đồng

- Ngân sách địa phương: 20.500.000.000 đồng

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác: 63.500.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 4)

III. Phân công trách nhiệm

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án: Phối hợp với các Sở, cơ quan có liên quan, các địa phương triển khai thực hiện Đề án, hướng dẫn tổ chức thực hiện, hướng dẫn các đơn vị sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện đề án; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Đề án trong toàn tỉnh theo hàng năm và từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh theo qui định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình cấp có thẩm quyền bổ sung, hoàn thiện các quy định về định mức biên chế giáo viên dạy ngoại ngữ; các cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, quản lý việc dạy ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm gửi Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh hàng năm, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định.

3. Sở Nội vụ

- Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc tham mưu ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên ngoại ngữ phù hợp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ chính sách cho giáo viên dạy ngoại ngữ.

- Thẩm định đối tượng tham gia các lớp đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ (khác tiếng Anh) và cho ý kiến về việc tổ chức các lớp đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ (khác tiếng Anh).

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo công tác tuyên truyền, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về dạy và học ngoại ngữ (khác tiếng Anh) trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đối với các hoạt động lễ hội, sự kiện văn hóa - du lịch: Khuyến khích tổ chức các hoạt động chuyên đề liên quan đến ngoại ngữ (khác tiếng Anh) nhằm thu hút du khách và người dân tham gia.

5. Sở Ngoại vụ

- Tư vấn và hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về giáo dục, quản lý giáo viên nước ngoài, công tác ký kết thỏa thuận hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế cung cấp tình nguyện viên giảng dạy ngoại ngữ (khác tiếng Anh).

- Đề xuất với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam và chính quyền các địa phương nước ngoài có thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế bao gồm cử tình nguyện viên, giới thiệu học bổng, cử các đoàn giáo viên, học sinh giao lưu, trao đổi về học thuật, văn hóa... với các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh,... để thực hiện Đề án.

6. UBND các phường, xã

- Chỉ đạo cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ quan chức năng thuộc quyền quản lý ở địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh theo qui định.

- Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đến đội ngũ cán bộ, viên chức và quần chúng, nhân dân địa phương; tổ chức phát động phong trào học ngoại ngữ trong đội ngũ cán bộ, viên chức quần chúng, nhân dân địa phương; xây dựng môi trường học ngoại ngữ thuận lợi trong các ban, ngành, cơ quan, đoàn thể, cộng đồng phụ trách; xây dựng cơ chế địa phương để huy động tất cả các nguồn lực nhằm nâng cao việc dạy và học ngoại ngữ và các chính sách địa phương trình hội đồng nhân dân cùng cấp về tuyển dụng giáo viên, sắp xếp, bố trí giáo viên ngoại ngữ ở các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc quyền quản lý bảo yêu cầu triển khai thực hiện chương trình ngoại ngữ khác tiếng Anh trong các trường phổ thông và theo ngành nghề, đào tạo; bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy và học ngoại ngữ từ ngân sách địa phương và các nguồn đóng góp ngoài ngân sách.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, cơ quan tỉnh để chỉ đạo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu, kế hoạch chung toàn tỉnh.

7. Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

a) Quán triệt và tích cực chủ động tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo ngoại ngữ trong đơn vị, đáp ứng yêu cầu

nhiệm vụ của Đề án đề ra, đảm bảo chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ theo đúng lộ trình.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ngoại ngữ trong việc đổi mới dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường, được đào tạo bồi dưỡng đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ./.

BIỂU 1: SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ (KHÁC TIẾNG ANH) PHỔ THÔNG HIỆN CÓ
(Kèm theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Các cấp học	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tiếng Trung	Tiếng Hàn
Tiểu học	0	1	0	0	0
THCS	0	2	0	0	0
THPT	2	3	2	1	1

**BIỂU 2: SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH HỌC CÁC NGOẠI NGỮ KHÁC
GIAI ĐOẠN 2020-2025**

(Kèm theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Các cấp học	Năm	Nội dung	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Đức	Ngoại ngữ khác
Tiểu học	2020	Số trường		1					
		Số lớp		5					
		Số học sinh		184					
	2021	Số trường		1					
		Số lớp		5					
		Số học sinh		184					
	2022	Số trường		1					
		Số lớp		5					
		Số học sinh		180					
	2023	Số trường		1					
		Số lớp		5					
		Số học sinh		159					
	2024	Số trường		1					
		Số lớp		2					
		Số học sinh		61					
	2025	Số trường		1					
		Số lớp		1					
		Số học sinh		33					
THCS	2020	Số trường		1					
		Số lớp		4					
		Số học sinh		160					
	2021	Số trường		1					
		Số lớp		4					
		Số học sinh		161					
	2022	Số trường		1					
		Số lớp		4					
		Số học sinh		163					
	2023	Số trường		1					
		Số lớp		4					
		Số học sinh		163					
	2024	Số trường		1					
		Số lớp		4					
		Số học sinh		155					
	2025	Số trường		1					
		Số lớp		4					
		Số học sinh		146					
	2020	Số trường	1	1		1			
		Số lớp	3	3		2			
		Số học sinh	105	105		70			
	2021	Số trường	1	1		1			
		Số lớp	3	3		3			

Các cấp học	Năm	Nội dung	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Đức	Ngoại ngữ khác
THPT		Số học sinh	105	105		105			
	2022	Số trường	1	1		1			
		Số lớp	3	3		3			
		Số học sinh	105	105		105			
		Số trường	1	1		1			
	2023	Số lớp	3	3		3			
		Số học sinh	105	105		105			
		Số trường	1	1	1	1			
		Số lớp	3	3	1	3			
	2024	Số học sinh	105	105	35	105			
		Số trường	1	1	1	1	1		
		Số lớp	3	3	2	3	1		
		Số học sinh	105	105	70	105	35		
	2025	Số trường	1	1					
		Số lớp	3	3					
		Số học sinh	105	105					

**BIỂU 3: SỐ LƯỢNG TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, HỌC VIÊN HỌC CÁC NGOẠI NGỮ
GIAI ĐOẠN 2020-2025***(Kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Năm	Số lượng trung tâm ngoại ngữ	Số lượng học viên học các ngoại ngữ							
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Đức	Ngoại ngữ khác
2020	143	2516	0	0	36	15	10	0	0
2021	156	10366	0	0	256	122	96	36	0
2022	176	72443	0	0	1259	485	378	186	0
2023	204	90766	0	0	2325	1465	688	366	0
2024	256	119343	0	0	3927	1440	1380	686	0
2025	328	156455	0	0	4502	1456	1488	726	0

UBND TỈNH NGHỆ AN

Phụ lục 2

*(Kèm theo Quyết định số 2598 /QĐ-UBND ngày 15/6/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. Danh sách các xã biên giới tỉnh Nghệ An trên đất liền

TT	Xã	Tên Đơn vị hành chính trước sáp nhập
1	Xã Thông Thụ	Xã Đồng Văn (huyện Quế Phong), xã Thông Thụ
2	Xã Tiên Phong	Xã Hạnh Dịch, xã Tiên Phong
3	Xã Quế Phong	Thị trấn Kim Sơn, xã Châu Kim, xã Mường Nọc, xã Nậm Giải
4	Xã Tri Lễ	Xã Nậm Nhoóng, xã Tri Lễ
5	Xã Nhôn Mai	Xã Mai Sơn, xã Nhôn Mai
6	Xã Tam Thái	Xã Tam Hợp (huyện Tương Dương), xã Tam Thái
7	Xã Tam Quang	Xã Tam Đình, xã Tam Quang
8	Xã Mỹ Lý	Giữ nguyên trạng
9	Xã Bắc Lý	Giữ nguyên trạng
10	Xã Keng Đu	Giữ nguyên trạng
11	Xã Mường Xén	Thị trấn Mường Xén, xã Tà Cạ, xã Tây Sơn
12	Xã Nậm Cắn	Xã Phà Đánh, xã Nậm Cắn
13	Xã Na Loi	Xã Đoọc Mạy, xã Na Loi

TT	Xã	Tên Đơn vị hành chính trước sáp nhập
14	Xã Mường Típ	Xã Mường Ải, xã Mường Típ
15	Xã Na Ngoi	Xã Nậm Cắn, xã Na Ngoi
16	Xã Châu Khê	Xã Lạng Khê, xã Châu Khê
17	Xã Môn Sơn	Xã Lục Dạ, xã Môn Sơn
18	Xã Anh Sơn	Thị trấn Kim Nhan, xã Đức Sơn, xã Phúc Sơn
19	Xã Kim Bảng	Xã Thanh Hà, xã Thanh Thủy, xã Kim Bảng
20	Xã Sơn Lâm	Xã Ngọc Lâm, xã Thanh Sơn
21	Xã Hạnh Lâm	Xã Thanh Đức, xã Hạnh Lâm

2. Danh sách các phường, xã có khu công nghiệp

TT	Phường/xã	Thuộc Đơn vị hành chính cấp huyện cũ
1	Phường Vinh Hưng	Thành phố Vinh
2	Phường Thành Vinh	Thành phố Vinh
3	Phường Cửa Lò	Thành phố Vinh
4	Xã Hưng Nguyên	Huyện Hưng Nguyên
5	Xã Trung Lộc	Huyện Nghi Lộc
6	Xã Thần Lĩnh	Huyện Nghi Lộc
7	Phường Hoàng Mai	Thị xã Hoàng Mai
8	Phường Tân Mai	Thị xã Hoàng Mai

TT	Phường/xã	Thuộc Đơn vị hành chính cấp huyện cũ
9	Xã Tân Châu	Huyện Diên Châu
10	Xã Đức Châu	Huyện Diên Châu
11	Xã Minh Hợp	Huyện Quỳnh Hợp
12	Xã Tam Hợp	Huyện Quỳnh Hợp

Phụ lục 3

BẢNG DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “TĂNG CƯỜNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026 – 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045”

(Kèm theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	(1) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	(2) Cơ quan chủ trì	(3) Cơ quan phối hợp	(4) Thời gian thực hiện	(5) Sản phẩm dự kiến	(6) Cấp phê duyệt
I	Nhóm nhiệm vụ: Nâng cao nhận thức, truyền thông và kiến tạo văn hóa học tập ngoại ngữ					
1.1	Xây dựng Kế hoạch truyền thông tổng thể, định hình tư duy xã hội về lợi ích học ngoại ngữ thứ hai và cơ hội nghề nghiệp quốc tế (xuất khẩu lao động Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Trung Quốc); tổ chức chiến dịch thông tin tại cơ sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh Truyền hình Nghệ An, Ủy ban nhân dân cấp xã, Doanh nghiệp	Năm 2026 - 2035 (Xây dựng kế hoạch hàng năm)	Bản Kế hoạch truyền thông; Các bộ tài liệu và cẩm nang tuyên truyền đa phương tiện; Hội thảo định hướng nghề nghiệp; Xây dựng thước đo tác động (Impact Metrics)...	Ủy ban nhân dân tỉnh
1.2	Xây dựng phong trào, mạng lưới câu lạc bộ ngoại ngữ; thiết lập môi trường học tập qua hệ thống biển chỉ dẫn đa ngôn ngữ và phát thanh nội dung văn hóa bản địa (đặc biệt văn hóa Lào tại vùng biên giới)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026 - 2035 (Thường xuyên)	Mạng lưới câu lạc bộ ngoại ngữ; Hệ thống biển chỉ dẫn đa ngôn ngữ; Chương trình phát thanh địa phương	Lãnh đạo các cơ quan truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	(1) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	(2) Cơ quan chủ trì	(3) Cơ quan phối hợp	(4) Thời gian thực hiện	(5) Sản phẩm dự kiến	(6) Cấp phê duyệt
II	Nhóm nhiệm vụ: Thiết kế và hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý vĩ mô					
2.1	Nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách thu hút, ưu tiên tuyển dụng giáo viên ngoại ngữ giỏi; hỗ trợ giáo viên đến công tác vùng khó khăn; hoàn thiện hành lang pháp lý cho phép người nước ngoài tham gia giảng dạy	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Tư pháp	Năm 2026 - 2030	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân; Quyết định ban hành chính sách tuyển dụng và hỗ trợ giáo viên	Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh
2.2	Xây dựng quy chế ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ đối với người học đạt chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế; cấp học bổng cho học sinh nghèo; hỗ trợ học phí học nghề ngắn hạn tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ	Năm 2026 - 2030	Văn bản bổ sung Quy chế tuyển sinh; Quyết định cấp học bổng và hỗ trợ học phí học nghề	Ủy ban nhân dân tỉnh
2.3	Xây dựng Đề án xã hội hóa giáo dục ngoại ngữ; tham mưu ưu tiên nguồn vốn đầu tư công trung hạn; tính toán định mức kinh tế kỹ thuật và bố trí ngân sách đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2026 - 2030	Đề án xã hội hóa giáo dục; Quyết định phân bổ ngân sách sự nghiệp giáo dục hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	(1) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	(2) Cơ quan chủ trì	(3) Cơ quan phối hợp	(4) Thời gian thực hiện	(5) Sản phẩm dự kiến	(6) Cấp phê duyệt
III	Nhóm nhiệm vụ: Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ					
3.1	Lập quy hoạch và tổ chức tuyển dụng đủ định mức giáo viên tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Lào cho các cơ sở giáo dục	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hàng năm (Năm 2026 - 2035)	Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành giáo dục; Quyết định phân bổ biên chế giáo viên ngoại ngữ	Ủy ban nhân dân tỉnh
3.2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên đương nhiệm; cử học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các xã biên giới sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào học đại học ngành sư phạm tiếng Lào	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Ngoại vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hàng năm	Quyết định cử học sinh đi học tập; Danh sách giáo viên đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo
IV	Nhóm nhiệm vụ: Đổi mới phương pháp, kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy học					
4.1	Chuyển đổi phương pháp dạy học theo hướng giao tiếp, ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo, phần mềm hỗ trợ)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục, Báo và Phát thanh Truyền hình Nghệ An	Năm 2026 - 2035	Hệ thống bài giảng trực tuyến; Nền tảng học tập trên truyền hình và không gian mạng	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	(1) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	(2) Cơ quan chủ trì	(3) Cơ quan phối hợp	(4) Thời gian thực hiện	(5) Sản phẩm dự kiến	(6) Cấp phê duyệt
	trợ); đa dạng hóa hình thức dạy trực tuyến, dạy học trên truyền hình					
4.2	Nghiên cứu, xây dựng ngân hàng đề thi chung cấp tỉnh và tiêu chuẩn kiểm tra định kỳ theo định dạng quốc tế cho từng ngoại ngữ, tập trung đánh giá kỹ năng giao tiếp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các tổ chức khảo thí độc lập, Chuyên gia đo lường	Năm 2026 - 2028	Ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa; Nền tảng đánh giá và thi trực tuyến tích hợp	Sở Giáo dục và Đào tạo
V	Nhóm nhiệm vụ: Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học					
5.1	Biên soạn và cập nhật chương trình, giáo trình chuyên biệt (tiếng Nhật Bản ngành công nghệ, tiếng Đức ngành kỹ thuật...); biên soạn tài liệu địa phương hóa lồng ghép văn hóa Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Năm 2026 - 2030	Bộ tài liệu, giáo trình chuyên ngành và địa phương hóa được thẩm định	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo
5.2	Tổ chức biên soạn tài liệu và triển khai chương trình giảng dạy tiếng Lào ưu tiên cho các trường học tại xã biên giới; phát triển chương trình song ngữ phù hợp đặc thù vùng dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026 - 2035	Bộ học liệu tiếng Lào; Báo cáo đánh giá hiệu quả chương trình song ngữ	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	(1) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	(2) Cơ quan chủ trì	(3) Cơ quan phối hợp	(4) Thời gian thực hiện	(5) Sản phẩm dự kiến	(6) Cấp phê duyệt
VI	Nhóm nhiệm vụ: Giải pháp Hạ tầng Công nghệ và Cơ sở vật chất					
6.1	Rà soát nhu cầu thực tế, bố trí ngân sách mua sắm tập trung để trang bị phòng học ngoại ngữ, hệ thống thiết bị công nghệ thông tin và bảo đảm kết nối internet tại vùng biên giới, vùng khó khăn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hàng năm	Danh mục mua sắm thiết bị công nghệ giáo dục được phê duyệt; Biên bản bàn giao tài sản	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính
6.2	Thiết kế và phát triển hệ thống học liệu điện tử mở, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (như phần mềm tự học, hệ thống tương tác ngôn ngữ) phục vụ việc học tập ngoại ngữ mọi lúc, mọi nơi	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học Công nghệ, Doanh nghiệp công nghệ	Năm 2026 - 2030	Thư viện học liệu số; Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học ngoại ngữ trên thiết bị di động	Ủy ban nhân dân tỉnh
VII	Nhóm nhiệm vụ: Ngoại giao học thuật, Hợp tác quốc tế và Xã hội hóa					
7.1	Hợp tác với Đại sứ quán và tổ chức quốc tế nhằm thu hút tình nguyện viên bản ngữ; thúc đẩy chương trình trao đổi giáo viên và học sinh với nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Nghệ An	Thường xuyên	Các văn kiện hợp tác quốc tế; Kế hoạch trao đổi học thuật	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Ngoại vụ

STT	(1) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	(2) Cơ quan chủ trì	(3) Cơ quan phối hợp	(4) Thời gian thực hiện	(5) Sản phẩm dự kiến	(6) Cấp phê duyệt
7.2	Hợp tác với các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế uy tín để bồi dưỡng giáo viên và tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ ngay tại tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các tổ chức khảo thí quốc tế	Năm 2026 - 2030	Trung tâm khảo thí quốc tế hoạt động tại địa phương; Danh sách giáo viên được bồi dưỡng	Sở Giáo dục và Đào tạo
VIII	Nhóm nhiệm vụ: Thiết chế Giám sát, Quản trị rủi ro và Đánh giá chu kỳ					
8.1	Thành lập Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành cấp tỉnh để thống nhất chỉ đạo và tháo gỡ điểm nghẽn hành chính trong quá trình thực thi Đề án tăng cường ngoại ngữ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý ba năm 2026	Quyết định thành lập Ban điều phối; Quy chế làm việc liên ngành	Ủy ban nhân dân tỉnh
8.2	Xây dựng khung đánh giá chất lượng, ứng dụng phần mềm báo cáo trực tuyến để theo dõi tiến độ; thực hiện hoạt động giám sát độc lập định kỳ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổ chức kiểm định độc lập, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hàng năm	Bộ tiêu chí kiểm định chất lượng dạy học đa ngôn ngữ; Báo cáo giám sát thường niên; "Khung tham chiếu hệ thống đo lường chất lượng nội bộ; Báo cáo kiểm định độc lập phân tích tỷ lệ chuyển đổi bậc ngôn ngữ của học sinh qua từng kỳ thi.	Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo

**BẢNG TỔNG HỢP KHAI TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
GIAI ĐOẠN 2026-2035, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

(GIAI ĐOẠN 2026-2035)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Đơn vị tính	Sản phẩm, kết quả (dự kiến)	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí	Nguồn ngân sách	Căn cứ tính toán
A	Công tác chỉ đạo, điều hành		Hệ thống vận hành ổn định					
B	Các hoạt động cụ thể							
I	Nghiên cứu, đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân					1.500		
1.1	Điều tra, khảo sát nhu cầu học ngoại ngữ	Hoạt động	Báo cáo quy hoạch mạng lưới	1	500	500	Ngân sách trung ương	Thông tư số 109/2016/TT-BTC
1.2	Đánh giá, điều chỉnh chính sách vùng biên	Hoạt động	Nghị định sửa đổi (nếu cần), hoàn thiện thể chế GD 2	1	500	500	Ngân sách trung ương	Thông tư số 42/2022/TT-BTC
1.3	Quy hoạch lại mạng lưới trường lớp	Báo cáo	Báo cáo quy hoạch 2035-2045	1	500	500	Ngân sách trung ương	Thông tư số 109/2016/TT-BTC
II	Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy ngoại ngữ, dạy học bằng ngoại ngữ bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về chất lượng					66.000		
2.1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (đào tạo văn bằng 2, bồi dưỡng ngắn hạn)	Lượt	250 lượt giáo viên	250	10	2.500	Ngân sách địa phương	Thông tư số 36/2018/TT-BTC, TT 06/2023/TT-BTC, NQ 17/2022/NQ-HĐND
2.2	Thuê chuyên gia nước ngoài (20 giáo viên/năm) cho giai đoạn 2025-2030	Giáo viên/năm	20 GV bản ngữ/năm	100	225	22.500	Nguồn khác (Xã hội hóa)	Thỏa thuận mức chi thị trường theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND
2.3	Thuê chuyên gia nước ngoài (30 giáo viên/ năm) cho giai đoạn 2031-2035	Giáo viên/năm	30 GV bản ngữ/năm	150	273,33	41.000	Nguồn khác (Xã hội hóa)	Thỏa thuận mức chi thị trường theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Đơn vị tính	Sản phẩm, kết quả (dự kiến)	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí	Nguồn ngân sách	Căn cứ tính toán
III	Xây dựng và triển khai chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu, học liệu dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ							Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
3.1	Số hóa học liệu, bài giảng điện tử E-learning	Hệ thống	Kho học liệu dùng chung					Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
3.2	Vận hành, nâng cấp hệ thống LMS/AI	Hệ thống	Hệ thống AI chấm điểm nói					Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
3.3	Mua sắm tài liệu số/ thư viện điện tử	Hệ thống	100% trường kết nối					Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
IV	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ, tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện dạy và học ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ							
4.1	Đầu tư phòng học ngoại ngữ (Language Lab)	Phòng						Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
4.2	Mua sắm thiết bị tối thiểu (Tivi, Loa, Bảng)	Bộ						Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
4.3	Hạ tầng Internet trường vùng biên	Gói						Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
4.4	Đầu tư Phòng học thông minh (Smart Lab)	Phòng						Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
5.5	Duy tu, bảo trì hệ thống thiết bị cũ	Gói						Lồng ghép các đề án chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp quốc gia
V	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thúc đẩy dạy và học ngoại ngữ tại Việt Nam					10.000		
5.1	Giao lưu, kết nghĩa trường học Nghệ An - Lào (Giai đoạn 2026-2030)	Cặp trường	10 cặp trường	10	500	5.000	Ngân sách địa phương (Lồng ghép)	Lồng ghép theo Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND



STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Đơn vị tính	Sản phẩm, kết quả (dự kiến)	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí	Nguồn ngân sách	Căn cứ tính toán
5.2	Giao lưu, kết nghĩa trường học Nghệ An - Lào (Giai đoạn 2031-2035)	Cặp trường	10 cặp trường	10	500	5.000	Ngân sách địa phương (Lồng ghép)	Lồng ghép theo Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND
VI	Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng môi trường dạy và học, sử dụng ngoại ngữ, dạy và học bằng ngoại ngữ					8.000		
6.1	Truyền thông, phong trào học ngoại ngữ giai đoạn 2026-2030	Hoạt động	Phóng sự, bài báo,...	Thường xuyên	3.000	3.000	Ngân sách địa phương	Hợp đồng tuyên truyền, phổ biến truyền thông
6.2	Truyền thông, xây dựng môi trường, phong trào học ngoại ngữ giai đoạn 2031-2035	Hoạt động	Phóng sự, bài báo,...	Thường xuyên	5.000	5.000	Ngân sách địa phương	Hợp đồng tuyên truyền, phổ biến truyền thông
VII	Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án							
7.1	Hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp Tỉnh, công tác kiểm tra, giám sát thực địa, chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết, văn phòng phẩm, in ấn và báo cáo (1,25% Đề án) (Giai đoạn 2026-2030)	Gói	Hệ thống vận hành ổn định	Thường xuyên			Ngân sách địa phương (Chi thường xuyên)	Thông tư số 40/2017, TT 12/2025/TT-BTC, NQ 11/2025/NQ-HĐND
7.2	Hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp Tỉnh, công tác kiểm tra, giám sát thực địa, chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết, văn phòng phẩm, in ấn và báo cáo (1,25% Đề án) (Giai đoạn 2031-2035)	Gói	Hệ thống vận hành ổn định	Thường xuyên			Ngân sách địa phương (Chi thường xuyên)	Thông tư số 40/2017, TT 12/2025/TT-BTC, NQ 11/2025/NQ-HĐND
TỔNG CỘNG						85.500	(Tám mươi lăm tỷ năm trăm nghìn đồng chẵn)	